

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 26/2022/HS-ST
Ngày 28 - 7 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương Linh – Nghề nghiệp: nhân viên Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Nguyễn Văn Liễu, Nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường THPT Đinh Tiên Hoàng huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 11/2022/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Kpă H, sinh năm 1997 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn B, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông K và bà Phạm Thị S; Có vợ đã ly hôn; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu, cụ thể:

Ngày 02/10/2021 T và H trộm cắp 01 xe mô tô BKS 78H1-8760 của ông Nay Nh ở buôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 06/10/2021, dùng vũ lực để thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn với người dưới 16 tuổi, nên tại bản án số 22/2022/HSST ngày 14/7/2022 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2021, chuyển tạm giam ngày 08/10/2021. Giam liên tục cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Ksor T, sinh năm 1999 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn B, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nay Đ và bà Ksor H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu, Ngày 02/10/2021 trộm cắp 01 xe mô tô BKS 78H1-8760 của ông Nay N ở buôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2021, chuyển tạm giam ngày 08/10/2021. Giam liên tục cho đến nay và hiện có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Kpă H và Ksor T: Bà Bùi Thị P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Ksor H1, sinh ngày 03/5/2008. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn Chờ Tung, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nay H2, sinh năm 1988 và bà Ksor H3, sinh năm 1988. Ông H2 có mặt, bà H3 vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn C, xã Ia H, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Ngô Thị V – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Như N, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Ksor Kh, sinh năm 1993. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Nay Nh, sinh năm 1959. Có mặt.

Nơi cư trú: Buôn I, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng:* Chị Rơ Ô L, sinh ngày 15/10/2008. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn C, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Ông Ksor Ng, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Buôn C, xã Ia H, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986. Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/10/2021, Kpã H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78H1-8760 chở theo Ksor T ngồi sau lưu thông trên đường Đông Trường S theo hướng xã K đi xã I. Khi đến đoạn đường thuộc buôn H, xã Ia H, huyện K, tỉnh Gia Lai H và T phát hiện thấy Ksor H1, sinh năm 2008 điều khiển xe đạp điện chở theo Rơ Ô L, sinh năm 2008 cùng trú tại buôn C, xã I đang đi trên đường hướng ngược chiều, trên tay trái của H1 có cầm theo một chiếc điện thoại nhãn hiệu ViVo màu đỏ. H đã nảy sinh ý định và rủ T tham gia cướp điện thoại trên của H1 thì được T đồng ý. H điều khiển xe mô tô tông vào hông xe đạp điện làm xe và H1 bị ngã xuống đường, L nhảy được ra khỏi xe. T nhảy xuống xe mô tô giật chiếc điện thoại di động của H1 đang cầm trên tay nhưng H1 chống cự và cầm chặt chiếc điện thoại. Hai bên giằng co, T kéo theo H1 đến gần vị trí xe mô tô H đang chờ sẵn. Lúc này H1 buông tay khỏi chiếc điện thoại và lao tới ôm vào cánh tay phải của H để cản H. H dùng cánh tay hất H1 ra, H1 tiếp tục níu cánh tay H và cản vào mạn sườn phải H nhưng không trúng. H điều khiển xe mô tô chở theo T đã lấy được điện thoại bỏ chạy về thị trấn P.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T gặp Ksor Kh. T đưa cho Kh chiếc điện thoại vừa cướp được và nói với Kh là điện thoại của T, nhờ bán hộ để lấy tiền trả tiền đánh bi da và ăn nhậu. Kh mang đến tiệm điện thoại G (thuộc buôn T, xã C) gặp anh Phạm Như N (chủ tiệm) nói là điện thoại của K, anh N mua chiếc điện thoại trên với giá 1.400.000 đồng. Bán được điện thoại, K đưa hết tiền cho T. Thái sử dụng hết cùng H và bạn bè vào ăn nhậu và đánh bi da.

Quá trình điều tra, mở rộng vụ án xác định: Vào khoảng 03 giờ ngày 02/10/2021 trên đường đi chơi về ngang qua buôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai T phát hiện tại nhà ông Nay N có 01 xe mô tô BKS 78H1-8760. T rủ H trộm cắp. H điều khiển xe mô tô chở T đến cách vị trí nhà ông Nh khoảng 30m thì dừng lại. T lén lút vào dắt xe mô tô ra ngoài đường, Hải điều khiển xe mô tô phụ Thái đẩy xe mô tô vừa trộm cắp được đi đến buôn Ma Nhe thì dừng lại. Thái nối dây điện khởi động xe và chạy về nhà Thái.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL- HĐĐGTS ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo có số IMEI 1: 865635040697119, Số IMEI 2: 865635040697101 có giá 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 30/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, xác định chiếc xe mô tô BKS 78H1-8760 nhãn hiệu WaNa, màu sơn xanh, có số khung CH0032R007970, số máy CR110FMH2007970 có giá trị 1.800.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với Ksor Kh là người đi bán hộ điện thoại nhưng không biết được điện thoại trên là do T và H cướp được, do đó hành vi của Kh không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với hành vi của Kpă H và Ksor T trộm cắp tài sản (xe mô tô) của ông Nay N: Tài sản mà H và T trộm cắp được có giá trị 1.800.000 đồng. Hành vi của H và T chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Công an huyện K đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản đối với Kpă H và Ksor T.

Tại bản cáo trạng số 17/CT - VKS ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Kpă H và Ksor T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Kpă H và Ksor T về tội “Cướp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của BLHS: Xử phạt bị cáo H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và ông Nay Nh về bồi thương thiệt hại. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ nhưng về hình phạt thì đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo H và T bằng mức thấp nhất mà đại diện VKSND huyện Krông Pa đề nghị.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đồng ý với luận tội của đại diện VKSND huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ và về hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 02/10/2021, trong lúc di chuyển trên đường Đông Trường Sơn theo hướng xã K – I, bị cáo H phát hiện chị Ksor H1 đang điều khiển xe đạp điện chở theo chị Rơ Ô L theo hướng ngược lại, tay phải đang cầm điện thoại di động VIVO màu đỏ. Bị cáo H đã rủ bị cáo T đang đi cùng mình cướp chiếc điện thoại trên và được bị cáo T đồng ý. Bị cáo H đã điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 78H1-8760 tông ngã xe đạp điện của chị H1 làm chị H1 và chị L ngã ra đường. Bị cáo T nhảy xuống xe cướp điện thoại di động ViVo trị giá 2.000.000 đồng của chị H1 rồi bỏ chạy cùng bị cáo H.

Như vậy, hành vi của bị cáo H và T dùng phương tiện (xe mô tô) nguy hiểm tông ngã xe đạp của chị H, sinh ngày 03/5/2008 (là người dưới 16 tuổi) để chiếm lấy tài sản của chị H là đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo H và T phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo Kpă H và Ksor T dùng xe mô tô tông ngã xe đạp điện của chị H để cướp tài sản của chị H (người dưới 16 tuổi) đã vi phạm tình tiết định khung quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của BLHS; nên các bị cáo bị xét xử về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Kpă H và Ksor T là những người bình thường, có đủ năng lực để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng muốn hưởng lợi bất chính nên đã dùng phương tiện nguy hiểm nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Xét về tính chất vụ án tuy có nhiều người cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự thống nhất, bàn bạc trước, không có sự tổ chức câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công công việc cụ thể cho nhau, không lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy, cầm đầu nên đây là loại đồng phạm giản đơn.

Nay cần xét đến vai trò, mức độ tham gia, nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng, bị cáo là người khởi sự phạm tội bị cáo Thái thực hiện hành vi cướp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo H có nhân thân xấu là ngày 02/10/2021 bị cáo H trộm cắp 01 xe mô tô BKS 78H1-8760 của ông Nay Nh bị xử phạt hành chính và tại bản án số 22/2022/HSST ngày 14/7/2022 của TAND huyện K xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Còn bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, bị cáo là người thực hành tội phạm tích cực, trực tiếp cướp điện thoại của chị H1 nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình nhưng nhẹ hơn H. Bị cáo T có nhân thân xấu là ngày 02/10/2021 bị cáo trộm cắp 01 xe mô tô BKS 78H1-8760 của ông Nay Nh bị xử phạt hành chính.

Nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì các bị cáo H và T thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho các bị cáo.

Bên cạnh đó các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, có nhận thức về pháp luật, xã hội còn hạn chế, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho các bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo, của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy các bị cáo có nhân thân xấu, là người thích hưởng thụ nhưng lười lao động. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian nhất định. Nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và vấn đề liên quan khác:

Anh Ksor Kh là người đi bán điện thoại cho bị cáo H và T nhưng không biết được điện thoại trên là do bị cáo T và H cướp được, do đó hành vi của anh Kh không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không khởi tố xử lý anh Kh là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với hành vi Kpă H và Ksor T trộm cắp xe mô tô của ông Nay Nh vào 03 giờ ngày 02/10/2021 thì tài sản trộm cắp được có giá trị 1.800.000 đồng. H và T

trước đó không có tiền án, tiền sự nên hành vi của H và T chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Công an huyện K đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản đối với Kpă H và Ksor T là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến nữa.

01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo có số IMEI 1: 865635040697119, Số IMEI 2: 865635040697101 đã trả cho chị Ksor Hoa là chủ sở hữu hợp pháp. Nay HĐXX không đề cập đến nữa.

01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda có BKS 78H1-8760 là phương tiện mà các bị cáo dùng đi cướp tài sản của chị H1 đã được trả lại cho ông Nay Nh là chủ sở hữu hợp pháp. Nay HĐXX không xem xét nữa.

Sau khi cướp điện thoại của chị H1 thì bị cáo đã đưa cho anh Kh bán được 1.400.000 đồng, các bị cáo H và T đã tiêu xài hết số tiền này. Anh N không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền này. Nên đây là số tiền các bị cáo thu lời bất chính mà có nên cần tịch thu của bị cáo H và T (Mỗi bị cáo nộp 700.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo và 01 (một) sim thuê bao Viettel thì đã được trả lại cho bị hại xong. Nay tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự nữa.

Ngày 02/10/2021 các bị cáo H và T trộm cắp 01 xe mô tô của ông Nay Nh có trị giá 1.800.000 đồng, tuy các bị cáo không bị khởi tố về hành vi này. Nhưng tại phiên tòa ông Nay Nh yêu cầu các bị cáo H và Thái bồi thường tiền sửa xe và công đi tìm xe là 2.500.000 đồng thì được các bị cáo đồng ý. Do đó HĐXX cần chấp nhận thỏa thuận này giữa các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nay Nh, buộc các bị cáo phải thực hiện.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo không có nghề nghiệp chính mà sống phụ thuộc gia đình, làm nông phụ giúp cha mẹ. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kpă H và Ksor T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1. Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Kpă H 08 (Tám) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06/10/2021.

Xử phạt bị cáo Ksor T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06/10/2021.

2. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Truy thu của bị cáo Kpă H 700.000 đồng và Ksor T 700.000 đồng, tổng cộng 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng Điều 46, Điều 48 của BLHS; Điều 584, 585, 586, 687, 589 của Bộ luật Dân sự,

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Kpă H, Ksor T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nay Nh. Buộc các bị cáo Kpă H, Ksor T mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho ông Nay Nh 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), tổng cộng là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Kpă H và Ksor T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2022) để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Công an h. K;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL&NVLQ;
- Người BVQ&LIHP của bị hại;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn